

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2019/TCDS-ST

Ngày: 19 -11-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Vượng – Ông Nguyễn Xuân Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Kim Hiên – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST- TCDS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 51/2019 /TB-XX ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Trường G - Phó trưởng phòng KHCN Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư phát triển Việt nam - Chi nhánh Yên Bái; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Minh T, sinh năm 1963; vắng mặt không lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngọc Thị T2, sinh năm 1976; vắng mặt không lý do.

Cùng ĐKNKTT: Thôn Đ, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 8 (tổ 45cũ), phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái (viết tắt là BIDV) và ông Hoàng Minh T có ký các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Ngày 16/01/2015 ký Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6866143/HĐTD. Ông T vay BIDV số tiền 250.000.000đồng, thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất vay: 12%/năm; áp dụng lãi suất thả nổi 6 tháng điều chỉnh 1 lần; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: Sửa chữa nhà ở và mua sắm trang thiết bị gia đình; lịch trả gốc: định kỳ 12 tháng lần; định kỳ trả lãi vào ngày 15 hàng tháng, cùng ngày BIDV đã giải ngân: 250.000.000 đồng. Tính đến ngày 03/12/2015 ông T đã thanh toán 85.000.000 đồng tiền gốc và 22.119.027 đồng tiền nợ lãi, từ ngày 04/12/2015 ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến nay ông T còn nợ gốc 165.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là: 78.030.765 đồng; nợ lãi quá hạn là: 23.221.215 đồng. Tổng cộng (gốc, lãi) là: 266.251.980 đồng. *(Hai trăm, sáu mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi một nghìn, chín trăm tám mươi đồng)*

- Ngày 04/3/2015 ký hợp đồng tín dụng số 01/2015/6866143/HĐTD. Ông T vay BIDV số tiền 300.000.000đồng; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất vay: 11,5% lãi suất trong hạn, áp dụng lãi suất thả nổi 6 tháng điều chỉnh 1 lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay: Mua xe máy chuyên dùng; lịch trả gốc: Định kỳ 12 tháng lần; định kỳ trả lãi vào ngày 15 hàng tháng, cùng ngày BIDV đã giải ngân 300.000.000đồng; đến ngày 09/5/2016 ông T đã thanh toán 101.000.000đồng tiền gốc, đến ngày 29/10/2016 ông T đã thanh toán 25.701.254 đồng tiền nợ lãi, từ ngày 03/12/2015 ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến nay ông T còn dư nợ gốc 199.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là: 95.848.346 đồng, nợ lãi quá hạn là: 39.532.168 đồng. Tổng cộng (gốc, lãi) là: 334.380.514 đồng *(Ba trăm, ba mươi tư triệu, ba trăm tám mươi nghìn, năm trăm mười bốn đồng)*

- Ngày 29/12/2015 ký hợp đồng tín dụng số 03/2015/6866143/HĐTD. Ông T vay BIDV số tiền 15.000.000đồng; thời hạn vay 11 tháng; lãi suất vay cố định: 10,05%; lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: Mua sắm thiết bị gia đình; lịch trả gốc vào ngày 29/11/2016 trả 15.000.000đồng; kỳ trả lãi vào ngày 15 hàng tháng. Cùng ngày BIDV đã giải ngân 15.000.000đồng. Từ ngày 27/10/2016 ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến nay ông T còn dư nợ gốc là 15.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là: 5.810.000đồng, lãi quá hạn là: 2.375.625 đồng. Tổng cộng (gốc, lãi) là: 23.185.625 đồng *(Hai mươi ba triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng).*

Ngày 26/02/2016 ký hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD. Ông T vay BIDV lại số tiền 85.000.000đồng đã thanh toán 1 phần nợ gốc theo hợp đồng tín

dụng số 01/2015/6866143 ngày 16/1/2015 ; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất vay 11,5%/ năm, áp dụng lãi suất thả nổi 6 tháng điều chỉnh 01 lần; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: mua sắm thiết bị gia đình; lịch trả gốc định kỳ 12 tháng lần cùng ngày BIDV đã giải ngân 85.000.000đồng. Đến ngày 27/10/2016 ông T đã thanh toán 5.666.833 đồng tiền lãi. Từ ngày 28/10/2016 ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến nay ông T còn dư nợ gốc là 85.000.000đồng, dư nợ lãi trong hạn là 31.342.4013 đồng; lãi quá hạn là: 7.993.299 đồng. Tổng cộng (gốc + lãi): 124.335.702 (*Một trăm hai mươi tư triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm linh hai đồng*).

Đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng nêu trên ông Hoàng Minh T bà Ngọc Thị T2 đã thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng 48,8m2 đất và tài sản gắn liền trên đất là 01 nhà xây 02 tầng tại tổ 8 (tổ 45 cũ) phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số BP 385426 do Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái cấp ngày 30/8/2013 mang tên bà Ngọc Thị T2, ông Hoàng Minh T (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2015/6866143/HĐBĐ ngày 01/01/2015) và 01 máy đào bánh xích nhãn hiệu SUMIMOTO biển số đăng ký 21XA – 0199; số khung: 160FU-5682; số động cơ: 773483 giấy chứng nhận đăng ký ngày 09/02/2015 do Sở giao thông vận tải tỉnh Yên Bái cấp (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6866143/HĐBĐ ngày 03/3/2015).

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Hoàng Minh T đã vi phạm nghĩa vụ về trả nợ gốc, lãi tiền vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký với BIDV. Hiện tại các khoản vay của ông Hoàng Minh T đã bị quá hạn. Đến ngày 19/11/2019, tổng số dư nợ của ông Hoàng Minh T dư nợ gốc: 464.000.000đồng; dư nợ lãi trong hạn: 211.031.514 đồng; lãi quá hạn là: 73.122.307 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 748.153.821 đồng (*Bảy trăm bốn mươi tám triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm hai một đồng*).

BIDV đã nhiều lần thông báo, tiến hành làm việc với gia đình ông Hoàng Minh T về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ BIDV, tuy nhiên gia đình ông T thiếu thiện chí, không hợp tác, bỏ đi khỏi nơi cư trú, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ BIDV theo các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Nay BIDV đề nghị Toà án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết:

1. Buộc bị đơn ông Hoàng Minh T phải trả nợ gốc, lãi, phí phạt quá hạn cho BIDV theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 19/11/2019 là: 748.153.821 đồng; Trong đó: Dư nợ gốc: 464.000.000đồng; dư nợ lãi trong hạn: 211.031.514 đồng; lãi quá hạn là: 73.122.307 đồng.

2. Buộc bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi, lãi phạt quá hạn đến khi thanh toán hết nợ gốc (kể cả lãi chậm thi hành án) cho BIDV theo thoả thuận trong Hợp đồng

tín dụng đã ký, trên sổ nợ gốc thực tế kể từ ngày BIDV khởi kiện cho đến khi thi hành án xong.

3. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp bị đơn ông Hoàng Minh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký, bà Nông Ngọc T2, ông Hoàng Minh T không thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã thoả thuận trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2015/6866143/HĐBĐ ngày 01/01/2015 thì BIDV có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên, bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. BIDV xin rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp 01 máy đào bánh xích nhãn hiệu SUMIMOTO biển số đăng ký 21XA – 0199; số khung: 160FU-5682; số động cơ: 773483 giấy chứng nhận đăng ký ngày 09/02/2015 do Sở giao thông vận tải tỉnh Yên Bái cấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6866143/HĐBĐ ngày 03/3/2015. Đối với tài sản này ông T, bà T2 đã dịch chuyển BIDV không biết địa chỉ tài sản ở đâu. Và rút yêu cầu xử lý các tài sản khác của ông T để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn là ông Hoàng Minh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Ngọc Thị T2: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với bị đơn là ông Hoàng Minh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Ngọc Thị T2 để ông T, bà T2 biết những vấn đề cụ thể mà BIDV yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về yêu cầu khởi kiện của BIDV. Tuy nhiên ông T, bà T2 không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của BIDV, không cung cấp giao nộp tài liệu chứng cứ, không chứng minh để bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, hòa giải, hai lần không tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nên ông T bà T2 phải chịu hậu quả do không thực hiện nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà BIDV đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/10/2019 đối với tài sản thế chấp như sau:

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP 358426, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00974 do Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái, cấp ngày 30/8/2016 thửa đất số 33; tờ bản đồ số 53; diện tích: 48,8m² ; mục đích: Đất ở đô thị mang tên bà Ngọc Thị T2 và ông Hoàng Minh T . Địa chỉ thửa đất: Tổ 8 (tổ 45 cũ), phường Minh Tân, thành phố Yên Bái và tài sản gắn liền trên đất.

Hiện trạng kiểm tra thực tế:

- Về đất: diện tích đất sử dụng theo đúng diện tích đất được Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00974 = 48,8m².

Có các cạnh thửa (tứ cận) như sau: Phía bắc giáp với đường ngõ xóm; Phía nam giáp đường ngõ xóm; Phía đông giáp hộ bà Hoa; Phía tây giáp hộ ông Bang (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

- Về hiện trạng tài sản có trên đất thế chấp gồm có: 01 nhà xây cấp IV; Tầng 1 nhà xây đồ mái bằng diện tích $13,5\text{m}^2 \times 3,3 = 44,5\text{m}^2$ (gồm 01 phòng + 01 gác xép, 01 bếp + 01 công trình phụ). Tầng 2: Lợp tôn: $9\text{m} \times 3,3 = 29,7\text{m}^2$; công trình phụ tầng 2 đồ mái $1,7\text{m} \times 3,3\text{m} = 5,6\text{m}^2$; sân phơi lợp tôn diện tích $2,7\text{m} \times 3,3\text{m} = 8,9\text{m}^2$, khung sắt inooc nền láng xi măng.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung; Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 147; Điều 227; 228; 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123, 124, 388, 389, 342, 343, khoản 1 Điều 474, các điều 715, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 167 và Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam .

2. Buộc ông Hoàng Minh T trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6866143/HĐTD được ký ngày 16/01/2015; Tổng cộng là: 266.251.980 đồng. Trong đó: nợ gốc: 165.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 78.030.765 đồng; lãi quá hạn là: 23.331,215 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6866143/HĐTD được ký ngày 04/3/2015; Tổng cộng là: 344.380.514 đồng. Trong đó: nợ gốc: 199.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là: 95.848.346 đồng; lãi quá hạn là: 39.532.168 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 03/2015/6866143/HĐTD được ký ngày 29/12/2015; Tổng cộng là: 23.185.625đồng. Trong đó: nợ gốc: 15.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là: 5.810.000 đồng; lãi quá hạn là: 2.375.625 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6866143/HĐTD được ký ngày 26/02/2016; Tổng cộng là: 124.335.702 đồng. Trong đó: nợ gốc: 85.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 31.342.403 đồng; lãi quá hạn là: 7.993.299 đồng.

Tổng số tiền ông Hoàng Minh T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 19/11/2019 là: 748.153.821 đồng (*Bảy trăm, bốn mươi tám triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm hai mươi mốt đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 464.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 211.031.514 đồng (*Hai trăm mười một triệu, không trăm ba mươi mốt nghìn, năm trăm mười bốn đồng*); nợ lãi quá hạn là: 73.122.307 đồng (*Bảy mươi ba triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm linh bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bị đơn không trả hết số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của BIDV cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho BIDV cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của BIDV cho vay.

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ:

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP 358426, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 00974 do Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái, cấp ngày 30/8/2013 thửa đất số 33; tờ bản đồ số 53; diện tích: 48,8m²; mục đích: Đất ở đô thị mang tên bà Ngọc Thị T2 và ông Hoàng Minh T. Địa chỉ thửa đất: Tổ 8 (tổ 45 cũ), phường Minh Tân, thành phố Yên Bái và toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà xây cấp IV; Tầng 1 nhà xây đổ mái bằng diện tích 13,5m² x 3,3 = 44,5m² (gồm 01 phòng + 01 gác xép, 01 bếp + 01 công trình phụ). Tầng 2: Lợp tôn: 9m x 3,3 = 29,7m²; công trình phụ tầng 2 đổ mái 1,7m x 3,3m = 5,6m²; Sân phơi lợp tôn diện tích 2,7 m x 3,3m = 8,9m², khung sắt inoc nền láng xi măng (có sơ đồ kèm theo).

5. Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, Nguyên đơn không phải chịu tiền án dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tổ tụng:

Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng được phát sinh từ quan hệ hợp đồng ký kết tại thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Bị đơn ông Hoàng Minh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngọc Thị T2 đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T và bà T2.

[2] Về pháp luật áp dụng: Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật đất đai năm 2013, Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan có hiệu lực tại thời điểm giao kết hợp đồng.

[3] Về tính hợp pháp của các Hợp đồng tín dụng ký giữa BIDV và ông Hoàng Minh T:

Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6866143/HĐTD ngày 16/01/2015; Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6866143/HĐTD ngày 04/3/2015; Hợp đồng tín dụng số 03/2015/6866143/HĐTD ngày 29/12/2015; Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 26/02/2016 được ký giữa BIDV thương mại cổ phần Đầu tư phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái và ông Hoàng Minh T được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các Điều 122, 123, 124, 388, 389 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên các hợp đồng trên nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện, ông Hoàng Minh T đã vi phạm nghĩa vụ, không trả gốc và lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Vì vậy BIDV căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Điều 9 Điều khoản và điều kiện vay đúng theo các Hợp đồng tín dụng để khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Minh T trả nợ là có căn cứ, phù hợp với các Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Về số tiền gốc còn nợ: Nguyên đơn đã xuất trình đầy đủ các hợp đồng tín dụng, các tài liệu thể hiện số tiền gốc đã vay, phương thức cho vay; số tiền đã trả; Như vậy căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, đủ cơ sở buộc Bị đơn trả BIDV tiền gốc còn nợ của các hợp đồng tín dụng nêu trên là: 464.000.000đồng (*Bốn trăm, sáu tư triệu đồng*) Ông Hoàng Minh T phải chịu lãi suất trên số nợ gốc kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong với mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng.

[5] Về số tiền lãi: Ông Hoàng Minh T không trả nợ BIDV đúng thời hạn các bên đã thỏa thuận là vi phạm Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng căn cứ thỏa thuận của các bên tại mục 4 Hợp đồng tín dụng tính lãi trong hạn, lãi quá hạn là phù hợp khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn đòi Bị đơn phải trả lãi tính đến ngày 19/11/2019 là: 284.153.551 đồng; trong đó lãi trong hạn là: 211.031.514 đồng; lãi quá hạn là: 73.122.307 đồng.

[6] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

[6.1] Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2015/6866143/HĐBĐ ngày 01/01/2015: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được xác định của bà Ngọc Thị T2 và ông Hoàng Minh T (ngoài ra không có đồng sử dụng nào khác) phù hợp với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài liệu, chứng cứ khác.

Vì vậy bà Ngọc Thị T2 và ông Hoàng Minh T đủ điều kiện ký Hợp đồng thế chấp tài sản với BIDV theo Điều 188 Luật đất đai năm 2013.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6866143/HĐBĐ ngày 15/01/2015 được các bên tự nguyện ký kết được xác lập tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Yên Bái và đăng ký tại Văn phòng đăng ký Đất đai và Phát triển quỹ đất thành phố Yên Bái có nội dung và hình thức phù hợp với khoản 3 Điều 167 và khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 và các điều 122, 123, 124, 342, 343, 715 Bộ luật Dân sự 2005 nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Do ông Hoàng Minh T - là bên được bảo đảm vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên BIDV căn cứ thỏa thuận của các bên tại Điều 9 xử lý tài sản thế chấp của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất. Do vậy yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm của BIDV là có cơ sở theo Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

BIDV có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số phát hành BP 358426, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 00974 do Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái, cấp ngày 30/8/2019 thửa đất số 33; tờ bản đồ số 53; diện tích: 48,8m² ; mục đích: Đất ở đô thị mang tên bà Ngọc Thị T2 và ông Hoàng Minh T. Địa chỉ thửa đất: Tổ 8 (tổ 45 cũ), phường Minh Tân, thành phố Yên Bái (Thuộc tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2015/6866143/HĐBĐ ngày 01/01/2015 được ký giữa BIDV và ông Hoàng Minh T bà Ngọc Thị T2) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

[6.2] BIDV rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp 01 máy đào bánh xích nhãn hiệu SUMIMOTO biển số đăng ký 21XA – 0199; số khung: 160FU-5682; số động cơ: 773483 giấy chứng nhận đăng ký ngày 09/02/2015 do Sở giao thông vận tải tỉnh Yên Bái cấp (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6866143/HĐBĐ ngày 03/3/2015) và rút yêu cầu xử lý các tài sản khác (nếu có) của ông T để thu hồi

nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là yêu cầu tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 + (348.153.000đồng x 4 %) = 33.924.000đồng (*Ba mươi ba triệu, chín trăm hai mươi tư nghìn đồng chẵn*); Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ khoản 1 Điều 147; 227; 228; 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 122, 123, 124, 388, 389, 342, 343, khoản 1 Điều 474, các điều 715, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ khoản 3 Điều 167 và Điều 188 Luật Đất đai năm 2013
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam .

2. Buộc ông Hoàng Minh T trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6866143/HĐTD được ký ngày 16/01/2015; Tổng cộng là: 266.251.980 đồng. Trong đó: nợ gốc: 165.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 78.030.765 đồng; lãi quá hạn là: 23.331,215 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6866143/HĐTD được ký ngày 04/3/2015; Tổng cộng là: 344.380.514 đồng. Trong đó: nợ gốc: 199.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là: 95.848.346 đồng; lãi quá hạn là: 39.532.168 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 03/2016/6866143/HĐTD được ký ngày 29/12/2015; Tổng cộng là: 23.185.625đồng. Trong đó: nợ gốc: 15.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là: 5.810.000 đồng; lãi quá hạn là: 2.375.625 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6866143/HĐTD được ký ngày 26/02/2016; Tổng cộng là: 124.335.702 đồng. Trong đó: nợ gốc: 85.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là: 31.342.403 đồng; lãi quá hạn là: 7.993.299đồng.

Tổng số tiền ông Hoàng Minh T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 19/11/2019 là: 748.153.821 đồng (*Bảy trăm, bốn mươi tám triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm hai mươi một đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 464.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 211.031.514 đồng (*Hai trăm mười một triệu, không trăm ba mươi một nghìn, năm trăm mười bốn đồng*); nợ lãi quá hạn là: 73.122.307 đồng (*Bảy mươi ba triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm linh bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bị đơn không trả hết số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của BIDV cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho BIDV cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của BIDV cho vay.

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ:

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP 358426, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 00974 do Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái, cấp ngày 30/8/2016 thửa đất số 33; tờ bản đồ số 53; diện tích: 48,8m² ; mục đích: Đất ở đô thị mang tên bà Ngọc Thị T2 và ông Hoàng Minh T . Địa chỉ thửa đất: Tổ 8 (tổ 45 cũ), phường Minh Tân, thành phố Yên Bái và toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà xây cấp IV; Tầng 1 nhà xây đổ mái bằng diện tích 13,5m² x 3,3 = 44,5m² (gồm 01 phòng + 01 gác xép, 01 bếp + 01 công trình phụ). Tầng 2: Lợp tôn: 9m x 3,3 = 29,7m²; công trình phụ tầng 2 đổ mái 1,7m x 3,3m = 5,6m²; Sân phơi lợp tôn diện tích 2,7 m x 3,3m = 8,9m², khung sắt inoc nền láng xi măng (có sơ đồ kèm theo).

5. Về án phí:

Ông Hoàng Minh T phải chịu 33.924.000 đồng (*Ba mươi ba triệu, chín trăm hai mươi tư nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam được trả lại số tiền tạm ứng án phí 14.627.000 đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0004994 ngày 16-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến

